

Bản án số: 35/2020/HS-ST

Ngày: 25/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Mỹ Oanh

Ông Nguyễn Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa:

Ông Lê Hữu Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại Phòng xử A trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T; sinh ngày 12/9/1992 tại Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú: 2/6 đường B, Khu phố 1, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị K, có vợ; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/10/2019 đến ngày 16/12/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

- *Bị hại:* Ngân hàng T; địa chỉ: A đường L, Phường E, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Anh Hoàng – là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20/5/2020); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Dương Hồng Th, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 11B Cư xá H, khu phố 10, phường B, thành phố B, tỉnh Đ; vắng mặt;

2. Ông Lê Xuân T, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 39, tổ 20C, Khu phố 3, phường B, thành phố B, tỉnh Đ; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/5/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 tiếp nhận tin báo về tội phạm xảy ra tại Ngân hàng T nội dung: Trình báo về hành vi làm giả tài liệu và sử dụng tài liệu giả là: Giấy chứng nhận tiền ký quỹ kinh doanh cho thuê lại lao động và Hợp đồng ký quỹ số: 023/HĐKQ, ngày 11/7/2018 của Ngân hàng T – Chi nhánh G – Phòng giao dịch L, số: 361A L, Phường E, Quận E với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên H (Công ty H), trụ sở: L11 Cư xá H, khu phố 10, phường A, thành phố B, tỉnh Đ, do ông Dương Hồng Th là người đại diện theo pháp luật và là chủ tài khoản ký quỹ. Khi tra soát trên hệ thống T nhận thấy không phát sinh bất kỳ giao dịch nào của Công ty Hồng T; không tồn tại thông tin về tài khoản số 012014250269 đã nộp tiền ký quỹ với tổng số tiền là 2.000.000.000 đồng tại Ngân hàng T – Chi nhánh G – Phòng giao dịch L vào ngày 11/7/2018; chữ ký và con dấu trên giấy chứng nhận tiền ký quỹ kinh doanh cho thuê lại lao động ngày 11/7/2018 của Ngân hàng T mà Công ty Hồng T sử dụng không phải con dấu và chữ ký của cán bộ T.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, ông Dương Hồng Th khai nhận: Do Công ty Hồng Th cần có Giấy chứng nhận tiền ký quỹ kinh doanh cho thuê lại lao động và Hợp đồng ký quỹ để bổ sung vào hồ sơ xin cấp phép cho thuê lại lao động. Khoảng tháng 07/2018 có đối tượng tên Dũng chủ động liên hệ và tự giới thiệu là nhân viên Ngân hàng. Dũng nói sẽ làm được cho Ông T hai loại giấy tờ trên bằng cách vay tín chấp ngân hàng với giá dịch vụ là 30.000.000 đồng và hiện T có chương trình cho vay tín chấp với lãi suất 15%/năm, nếu đóng trước lãi suất 6 tháng 01 lần thì phía Công ty Hồng T sẽ được hưởng lãi suất ưu đãi là 12%/năm. Ông Dương Hồng T đồng ý và đưa trước cho Dũng số tiền 20.000.000 đồng để làm dịch vụ. Dũng dẫn ông Dương Hồng T đến trụ sở Phòng giao dịch Lê Đại Hành của Ngân hàng T, gặp Nguyễn Văn T, là nhân viên ngân hàng, để trao đổi làm thủ tục cấp hai loại giấy tờ trên. Ông T đưa tiếp cho Dũng số tiền 130.000.000 đồng, để đóng tiền lãi suất ưu đãi 6 tháng là 12%/năm và tiền dịch vụ. Dũng có làm giấy biên nhận tiền và cam kết thực hiện xong thủ tục cấp Giấy chứng nhận tiền ký quỹ kinh doanh cho thuê lại lao động và Hợp đồng ký quỹ, nhưng hiện Ông T đã làm mất giấy biên nhận tiền. Đến ngày 11/7/2018 tại quán cafe Q số 3 L, Phường E, Quận E - đối diện Phòng giao dịch L - Ngân hàng T, Ông T gặp T để ký tên vào Hợp đồng ký quỹ. Sau đó T đem vào để hoàn tất thủ tục, nhưng do Ông T có công việc phải đi nên sau khi xong T đem Giấy chứng nhận tiền ký quỹ kinh doanh cho thuê lại lao động và Hợp đồng ký quỹ số: 023/HĐKQ, ngày 11/7/2018 của Ngân hàng T – Chi nhánh Gia Định – Phòng giao dịch L giao cho anh Đặng Trường Giang, là tài xế của Ông T, đem về. Sau đó, Ông T sử dụng các giấy tờ này nộp Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ký quỹ kinh doanh cho thuê lại lao động để hoàn tất hồ sơ xin cấp phép cho thuê lại lao động của công ty. Ông Dương Hồng T đã giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an Quận 11: Bản chính Giấy chứng nhận tiền ký quỹ kinh doanh cho thuê lại lao động và Hợp đồng ký quỹ số: 023/HĐKQ.

Cơ quan điều tra tiến hành trưng cầu giám định các tài liệu thu giữ. Theo Kết luận giám định số: 1237/KLGD-TL ngày 31/7/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định: Chữ ký mang tên Nguyễn Thành T trên 02 tài liệu cần giám định, ký hiệu A1 (Giấy chứng nhận tiền ký quỹ kinh doanh cho thuê lại lao động), A2 (Hợp đồng ký quỹ số: 023/HĐKQ) so với chữ ký của Nguyễn Thành T trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3 không phải do cùng một người ký ra;

Chữ ký mang tên Nguyễn Thành T trên 02 tài liệu cần giám định so với chữ ký của Nguyễn Thành T trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M4 (do Nguyễn Văn T ký giả) là do cùng một người ký ra”.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận 11, Nguyễn Văn T khai nhận: T làm việc tại Ngân hàng T, chức vụ: Trưởng bộ phận khách hàng cá nhân, Phòng khách hàng cá nhân theo Quyết định bổ nhiệm cán bộ số: 6635/QĐ-PVB ngày 06 tháng 7 năm 2018. T quen biết với một khách hàng là Huỳnh Minh Hoàng, sinh năm 1984, thường trú tại khu phố Hiệp Thương, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Thông qua Hoàng, T có gặp và biết một người tên Dũng. Dũng đã trao đổi và yêu cầu T làm Giấy chứng nhận tiền ký quỹ kinh doanh cho thuê lại lao động và Hợp đồng ký quỹ cho Công ty Hồng T và hứa sẽ trả tiền công cho T 20.000.000 đồng. T đồng ý và đã soạn thảo, sửa lại mẫu văn bản do Dũng cung cấp, thông qua tin nhắn Zalo, đồng thời T ký giả chữ ký của ông Nguyễn Thành T, Giám đốc phòng giao dịch L Ngân hàng T. Sau đó kẹp chung 02 tài liệu trên vào các hồ sơ giải ngân của các khách hàng khác và trực tiếp đưa xuống bộ phận văn phòng để đóng dấu của Phòng giao dịch L -Ngân hàng T và dấu tên Nguyễn Thành T vào hai tài liệu giả trên rồi giao cho Công ty Hồng T. Sau khi hoàn thành công việc, ngày 05/7/2018 Huỳnh Minh Hoàng đã chuyển cho T số tiền 20.000.000 đồng vào tài khoản số: 105000259229 – Lang Thị Hoàng Oanh của Ngân hàng T mà T đã cung cấp và thỏa thuận với Dũng trước đó. Việc chuyển tiền nêu trên Dũng đã chụp hình giấy chuyển tiền mang tên Huỳnh Minh Hoàng gửi qua tin nhắn Zalo cho T. Tài khoản tên Lang Thị Hoàng Oanh của ngân hàng T là T mượn chứng minh nhân dân bạn tên Lang Thị Hoàng Oanh, sinh ngày 11/12/1993, thường trú 2 đường N, Phường 2, quận B, để mở tài khoản với mục đích trả tiền công cho những người đã giới thiệu khách hàng cho T. Số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) sau khi nhận được từ Huỳnh Minh Hoàng, T đã chuyển vào tài khoản tên Lê Xuân Tú, số tài khoản: 331000429450 của ngân hàng TMCP N ngày 07/7/2018, để trả tiền công cho Tú, người đã từng giới thiệu khách hàng cho T. Hiện mẫu văn bản, hình giấy chuyển tiền mà Dũng đã chuyển, T không còn lưu giữ do bị mất điện thoại.

Ông Nguyễn Thành T, giám đốc Phòng giao dịch L Ngân hàng T xác định chữ ký trên Giấy chứng nhận tiền ký quỹ kinh doanh cho thuê lại lao động và Hợp đồng ký quỹ số: 023/HĐKQ ngày 11/7/2018 của Phòng giao dịch Lê Đại Hành - Ngân hàng T không phải do ông T ký, đồng thời phía Ngân hàng cũng chưa từng làm việc với đại diện của Công ty Hồng T.

Ông Huỳnh Minh H khai nhận có quen biết với bị cáo Nguyễn Văn T do làm hồ sơ vay vốn ngân hàng để mua xe ô tô. Thông qua mối quan hệ xã hội Huỳnh Minh Hoàng có quen biết với Lê Hữu D, sinh năm 1980, thường trú tại: Q, xã L, huyện C, tỉnh Đ Vào khoảng tháng 7/2018 Huỳnh Minh Hoàng cùng với Lê Hữu D đến Phòng giao dịch Lê Đại hành của Ngân hàng T và gặp T tại quán cà phê Q đối diện ngân hàng để bàn bạc thỏa thuận thuê xe ô tô do Bị cáo T giới thiệu. Trong khoảng thời gian H đi lấy xe, Lê Hữu D đã gặp Bị cáo T và trao đổi nội dung gì thì H không được biết. Ngày 05/7/2018 H không thực hiện lệnh chuyển 20.000.000 đồng vào tài khoản số: 105000259229 của Lang Thị Hoàng Oanh và chữ ký trên Giấy nộp tiền không phải do Huỳnh Minh H ký.

Ngày 01/12/2018 Lê Hữu D bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai bắt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị Tòa án nhân dân huyện Định Quán kết án 08 năm tù giam. Tại Cơ quan điều tra Lê Hữu D khai biết ông Dương Hồng T qua 01 lần cùng uống cà phê tại quán gần Công ty Hồng T do bạn bè xã hội giới thiệu và D cũng có quen biết với ông Huỳnh Minh H do đã từng sống ở cùng huyện Định Quán. Nhưng D không thừa nhận có quen biết với Nguyễn Văn T và cũng không nhận tiền hoặc nhận làm giấy tờ gì cho ông Dương Hồng T. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành đối chất giữa bị cáo Nguyễn Văn T, ông Dương Hồng T và Huỳnh Minh H với Lê Hữu D để làm rõ mâu thuẫn trong lời khai nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 đề nghị Công ty Cổ phần VNG cung cấp dữ liệu tin nhắn văn bản, hình ảnh liên quan đến 02 số điện thoại đã đăng ký zalo gồm: 0988718768, 0964839619 trong thời gian từ tháng 6/2018 đến tháng 8/2018 nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả trả lời.

Lê Xuân T khai nhận, có quen biết Nguyễn Văn T từ năm 2016 khi T làm hồ sơ vay tiền mua xe cho khách hàng do thủ tục hồ sơ yêu cầu phải mua bảo hiểm. Lê Xuân T xác định việc T chuyển 20.000.000 đồng từ tài khoản số: 105000259229 – Lang Thị Hoàng Oanh vào tài khoản số: 331000429450 - Lê Xuân T, là để trả tiền công cho T trong việc môi giới, giới thiệu khách hàng là đúng.

Bản Cáo trạng số 09/CT-VKSQ11 ngày 15 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T tội danh “Giả mạo trong công tác” theo điểm c khoản 2 Điều 359 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Bị cáo T có lời khai phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra và những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 trình bày lời luận tội, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 20.000.000 đồng.

Bị hại trình bày: Quá trình làm việc tại ngân hàng, bị cáo là người có năng lực. Bị cáo phạm tội do nhất thời nông nổi, bị cáo vừa mới lập gia đình, cha mẹ lớn tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội về lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các tang vật thu giữ được. Do đó, có đủ cơ sở để xác định:

Vì mục đích thu lợi bất chính mà vào ngày 11/7/2018, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam- Chi nhánh Gia Định – Phòng giao dịch Lê Đại Hành, địa chỉ số: 361A Lê Đại Hành, Phường 11, Quận 11, bị cáo Nguyễn Văn T với chức vụ là Trưởng bộ phận khách hàng cá nhân của Phòng khách hàng cá nhân - Phòng giao dịch Lê Đại Hành Ngân hàng T, đã có hành vi làm giả hai tài liệu là Giấy chứng nhận tiền ký quỹ kinh doanh cho thuê lại lao động và Hợp đồng ký quỹ

số: 023/HĐKQ, ngày 11/7/2018 của Phòng giao dịch Lê Đại Hành với Công ty Hồng T.

Bị cáo nhận thức rõ được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì tính tự lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo T đã xâm phạm tính đúng đắn, xác thực, chính xác của nội dung các loại giấy tờ, văn bản chính thức của cơ quan tổ chức. Qua đó ảnh hưởng đến uy tín của Nhà nước, của Ngân hàng, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, gây ảnh hưởng đến trật tự quản lý hành chính. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Giả mạo trong công tác” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 359 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với Lê Hữu D không thừa nhận có liên quan đến việc làm các giấy tờ của T và lấy tiền của Ông T. Ngoài lời khai của T và Th không còn chứng cứ nào khác chứng minh nên chưa đủ căn cứ chứng minh hành vi của D cấu thành tội phạm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 tiếp tục làm rõ, khi nào làm rõ được sẽ xử lý sau. Đối với ông Dương Hồng Th không biết các giấy tờ Nguyễn Văn T giao cho mình là giả nên hành vi của Th không đủ cơ sở cấu thành tội phạm.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện sửa chữa nộp lại số tiền thu lợi bất chính; lần đầu phạm tội nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định ở khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự khi lượng hình.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Giấy chứng nhận tiền ký quỹ kinh doanh cho thuê lại lao động ký ngày 11/7/2018; Hợp đồng ký quỹ số 023/HĐKQ ngày 11/7/2018 của Ngân hàng T – Chi nhánh G đã lưu vào hồ sơ vụ án;

- Số tiền 20.000.000 đồng, do gia đình Bị cáo T nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 để khắc phục hậu quả nên tịch thu số tiền này để nộp ngân sách nhà nước.

2. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 11, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 50; điểm c khoản 2 Điều 359; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Giả mạo trong công tác”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/10/2019 đến

ngày 16/12/2019.

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) do phạm tội mà có (theo Lệnh nhập kho vật chứng số 108/KT ngày 11/10/2019.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND - VKSND TPHCM;
- Sở Tư pháp TPHCM;
- PC 27 - CA TPHCM;
- VKSND Q.11;
- Công an Q.11;
- Chi cục THADS Q.11;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ánh Loan